

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 5 – 2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Danh Thị Kim Tuyên.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 2002; địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: Khóm D, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N (Nguyễn Tuấn A) có tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị M và anh N không có con chung, có số tài sản chung là số vàng ước tính giá trị khoảng 20.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N không phải là vợ chồng;

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Yêu cầu chia đôi tài sản chung là số vàng gồm 06 chỉ vàng 24 kara, 05 phân vàng 9999 và 1,3 chỉ vàng 18 kara, ước tính tổng giá trị khoảng 20.000.000 đồng. Nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-5-2023 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, chị Nguyễn Thị Diễm M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị M trình bày thêm sau khi cưới khoảng 01 tháng thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và mỗi người ở một nơi cho đến nay. Vì vậy, chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn bằng bản án để quan hệ giữa hai người kết thúc, không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20-3-2023 như sau:

Anh và chị M được gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn như chị M trình bày là đúng. Tuy nhiên, số vàng cưới nêu trong đơn khởi kiện của chị M thì anh N không có giữ nên anh yêu cầu Tòa án không giải quyết, nếu chị M có yêu cầu thì chị M phải chứng minh. Ý kiến của anh N là đồng ý ly hôn với chị M, về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn N, cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; con chung không có; và có yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1, 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-5-2023, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, chị Nguyễn Thị Diễm M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định lại quan hệ pháp luật giải quyết về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày về quan hệ nam nữ chung sống như vợ chồng xác lập từ năm 2020 mà không đăng ký kết hôn; trong thời gian chung sống không có con chung; tài sản chung, nợ chung thống nhất không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như trên là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay cả hai đều cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Diễm M về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là số vàng gồm 06 chỉ

vàng 24 kara, 05 phân vàng 9999 và 1,3 chỉ vàng 18 kara, ước tính tổng giá trị khoảng 20.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn N (Nguyễn Tuấn A).

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000 đồng. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Diễm M số tiền tạm ứng án phí còn thừa 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006393 ngày 12-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm